

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2024/HSST
Ngày 20 - 12 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Hùng T

Bà Đào Thị Kim L

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Hoàng Q - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích N - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 154/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 151/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị A**, sinh ngày 06/11/1986; Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 2, xã S, thành phố V, tỉnh P; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Như Ph và bà Nguyễn Thị Ch; Có chồng là Nguyễn Văn H và có 03 con, con lớn sinh năm 2005 con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án: Không.

- Tiền sự: 01 tiền sự. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 17/QĐ-XPHC ngày 13/12/2023 của Công an thành phố V, tỉnh P xử phạt Nguyễn Thị A về hành vi “Trộm cắp tài sản” bằng hình thức phạt tiền, số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo đã nộp phạt xong ngày 14/12/2023.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 05/9/2024. Ngày 11/9/2024, Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P. (Có mặt)

- Bị hại: Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1961.

Trú tại: Khu Thanh Xuân, phường G, thành phố V, tỉnh P. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 05/9/2024, Nguyễn Thị A một mình đi đến chợ trung tâm V, tỉnh P để mua hàng. Khi đi đến gian hàng bán đồ gia dụng được

đặt tại tầng 01 chợ trung tâm của bà Trịnh Thị L, An nhìn thấy bà L đang cầm tiền trên tay nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. An giả vờ hỏi mua của bà L một số bát ăn đặt tại gác trên của gian hàng mục đích để bà L di chuyển đến khu vực gác trên sẽ cất số tiền đang cầm, lợi dụng lúc bà L không để ý An sẽ trộm cắp số tiền trên. Bà L đồng ý bán và cất 01 cọc tiền có tổng giá trị 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*) được buộc dây nịt vào trong một phong bì, bên trong phong bì đã có sẵn 25.050.000đ (*Hai mươi lăm triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*) rồi đặt phong bì trên vào trong 01 chiếc hộp gỗ đặt dưới gầm tủ kính trưng bày sản phẩm của cửa hàng, sau đó đây một bìa cát tông lên trên. Sau khi cất tiền, bà L trèo lên gác để lấy bát theo yêu cầu của An. Lợi dụng lúc bà L không để ý và quan sát xung quanh thấy không có ai qua lại nên An tiến đến khu vực để chiếc hộp gỗ rồi cúi người xuống dùng tay trái nhấc bìa cát tông lên và dùng tay phải mở nắp chiếc hộp gỗ cầm lấy chiếc phong bì bên trong đựng tổng số tiền 70.050.000đ (*Bảy mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng An bị tuột tay làm rơi chiếc phong bì, một số tờ tiền rơi vào hộp gỗ và rơi ra ngoài. Sau đó, An nhặt lấy 01 cọc tiền mệnh giá 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) và đút vào túi bên phải của chiếc áo chống nắng An đang mặc. Lúc này, bà L quay người lại thì phát hiện có nhiều tờ tiền rơi ở gần khu vực hộp gỗ và lối ra vào nên giữ An lại kiểm tra thì phát hiện 01 cọc tiền có mệnh giá 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) tại túi áo của An. Biết không thể chối cãi, An đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản. Kiểm đếm số tiền mà An đã trộm cắp xác định tổng số tiền là 70.050.000đ (*Bảy mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*). Trong đó, thu giữ trên người An số tiền 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*) là 01 cọc tiền gồm 90 tờ tiền mệnh giá 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*). Số tiền rơi dưới đất và trong hộp gỗ tổng cộng là 25.050.000đ (*Hai mươi lăm triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*) gồm 42 tờ tiền mệnh giá 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*), 19 tờ tiền mệnh giá 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*), 02 tờ tiền mệnh giá 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*) và 01 tờ tiền mệnh giá 50.000đ (*Năm mươi nghìn đồng*). Sau khi nhận được trình báo của bà Trịnh Thị L, Công an phường Tiên Cát, thành phố V đã lập biên bản phạm tội quả tang đối với A và thu giữ số tiền 70.050.000đ (*Bảy mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*) vật chứng như đã nêu trên. Cùng ngày, Công an phường Tiên Cát, thành phố V đã chuyển toàn bộ hồ sơ trên cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh P để điều tra theo thẩm quyền.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị A đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người L quan và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về nguyên nhân, điều kiện, mục đích dẫn đến hành vi phạm tội: Do muốn có tiền chi tiêu nên bị cáo An đã trộm cắp tài sản để phục vụ nhu cầu của bản thân.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 70.050.000đ (*Bảy mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*) là khoản tiền bị cáo An trộm cắp của bà Trịnh Thị L. Ngày 05/9/2024, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại chiếc phong bì bên trong chứa toàn bộ số tiền 70.050.000đ (*Bảy mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*) cho bà Trịnh Thị L, bà L đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác.

Về điều kiện kinh tế của bị cáo: Quá trình điều tra xác định, bị cáo An hiện không có việc làm và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, sống phụ thuộc vào gia đình.

Tại Cáo trạng số: 152/CT-VKSVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị A phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A từ 27 (Hai mươi bảy) tháng tù đến 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 05/9/2024.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Ngày 05/9/2024, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã trả lại chiếc phong bì bị rách bên trong chứa toàn bộ số tiền 70.050.000đ (*Bảy mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) cho bà Trịnh Thị L, bà L đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác.

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh P, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy bị hại đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 05/9/2024 tại chợ trung tâm V thuộc tổ 50, khu Minh Hà 2, phường Tiên Cát, thành phố V, tỉnh P, Nguyễn Thị A đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 70.050.000đ (*Bảy mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*) của bà Trịnh Thị L.

[2.2]. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra tội phạm, phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở và căn cứ pháp lý kết luận bị cáo Nguyễn Thị A đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) ...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng... ”.

[2.3]. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội do mình gây ra với lỗi cố ý trực tiếp.

[2.4]. Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ đã gây mất trật tự trị an xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.5]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo còn có bố đẻ là ông Nguyễn Như Pháo là thương binh, ngoài ra bị hại còn có đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo có 01 tiền sự đã bị Công an thành phố V, tỉnh P ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” bằng hình thức phạt tiền vào ngày 13/12/2023. Do vậy khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng mức hình phạt sao cho phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra xác định về điều kiện kinh tế của bị cáo ngoài đồ dùng sinh hoạt cá nhân, không có tài sản gì khác có giá trị, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, sống phụ thuộc gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 70.050.000đ (Bảy mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) là tài sản bị cáo trộm cắp của bà Trịnh Thị L. Ngày 05/9/2024,

cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã trả lại cho bà L, bà L đã nhận lại đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì khác.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[6]. Bị cáo, bị hại có quyền làm đơn kháng cáo theo quy định pháp luật.

[7]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P về tội danh và hình phạt cũng như những nội dung khác là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 05/9/2024.

4. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị A.

5. Về xử lý vật chứng và bồi thường dân sự: Xác nhận ngày 05/9/2024, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh P đã trả lại cho bà Trịnh Thị L số tiền 70.050.000đ (*Bảy mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*). Bà L đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác.

6. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị A phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- VKSND TP. V, T. P;
- CQCA TP. V, T. P;
- THAHS, DS TP. V, T. P;
- UBND xã S, TP. V, T. P;
- Trại tạm giam Công an tỉnh P;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị H

